

Tham luận Hội thảo Quốc tế về chữ Nôm lần thứ 2.

THƯ TỊCH NÔM
TRONG CÁC THIÊN KINH TỊCH CHÍ HÁN NÔM VIỆT NAM

Nguyễn Tô Lan

*Viện Nghiên cứu Hán Nôm
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Email: lan.nguyento@gmail.com

Thư tịch cổ Việt Nam bao gồm hai phần chủ yếu là thư tịch chữ Hán và thư tịch chữ Nôm (bên cạnh đó có một phần thư tịch được biên chép theo ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số như chữ Nôm Tày v.v...) vốn được coi là cơ sở cơ bản của văn hiến dân tộc. Người đời sau muốn tìm hiểu ngọn nguồn cũng như muốn phát huy văn hóa dân tộc đều phải tìm đến các kho tàng sách được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Chính vì vậy, những tư liệu lấy sách vở cổ của dân tộc là đối tượng nghiên cứu chính có một vị trí rất quan trọng như là cơ sở tư liệu đầu tiên và quan trọng cho bất kỳ hoạt động nào.

Những tư liệu dạng này được gọi tên bằng nhiều cách khác nhau phụ thuộc vào mức độ phản ánh sách vở mà nó thực hiện được, có khi lại phụ thuộc vào nguồn gốc ngôn ngữ của thuật ngữ. Sớm nhất là Trung Quốc với các tên gọi như: Thất lược (*Thất lược*), Nghệ văn chí (*Tiền Hán thư*), sau này là các thuật ngữ Kinh tịch chí (*Tùy thư*), Mục lục học, Thư mục học v.v.... Phương Tây sử dụng chữ “Bibliography” bắt nguồn từ gốc Hy- Lạp nghĩa là: “khoa học về sách vở”. Ở Việt Nam, môn khoa học này có thể coi là được bắt đầu từ *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn (có thể trước Lê Quý Đôn, cùng với sự xuất hiện của các kho lưu trữ sách của nhà nước như Đại Hưng kinh tàng, Bát giác kinh tàng, Trưng Hưng kinh tàng đời Lý; Thiên Trường kinh tàng đời Trần; Bồng Lai thư viện đời Lê v.v... thì các thiên này đã xuất hiện nhưng hiện chưa tìm được tài liệu cụ thể còn lưu lại

đến ngày nay. Vì vậy, chúng tôi tạm cho rằng *Nghệ văn chí* là thiên mở đầu cho môn này ở Việt Nam), rồi đến *Kinh tịch chí* của Phan Huy Chú, tiếp theo là các bộ thư mục, mục lục của tư nhân do triều đình thực hiện qua các triều đại.

Để có một cái nhìn tổng thể về thư tịch Nôm trong lịch sử dân tộc, chúng tôi tiến hành khảo sát sự có mặt của thư tịch Nôm trong các tài liệu đặc thù đã nói ở trên. Trong bài viết này, dựa trên cơ sở khảo sát những văn bản biên chép về sách Nôm trong lịch sử chúng tôi thấy rằng thể loại của chúng có nhiều điểm khác biệt. Phần lớn là học tập cách phân chia loại mục, cách trình bày của Trung Quốc ở các mức độ khác nhau nhưng đều có những sửa đổi nhiều hay ít cho phù hợp với tình hình sách vở được phân ánh hay phù hợp với thực tiễn lưu trữ. Có thể là một bản “chí” (*Nghệ văn chí, Kinh tịch chí*), tổng mục (*Tự Khuê thư viện tổng mục, Đông các tôn trí tổng mục*), thư mục (*Nội các thư mục, Sử quán thư mục*), mục lục (*Các tự kinh bản Ngọc Sơn thiện thư lược sao mục lục*), hay còn được gọi là thủ sách (*Tân thư viện thủ sách, Cổ học viện thủ sách, Bí thư sở thủ sách*), thậm chí tên gọi của các thiên này không phản ánh tính thể thể loại của nó (*Tàng thư lâu bạ tịch*), có khi chỉ là một bảng kê tên sách hay danh mục sách trong một đợt kiểm kê một nơi lưu trữ nào đó v.v... Trong đó, thư tịch được miêu thuật ở nhiều cấp độ. Có thiên mô tả kỹ lưỡng từ tên sách, số bộ, số bản, tác giả, hiện còn hay đã mất, vài nét về nội dung, thậm chí còn có đánh giá của người biên soạn, có thiên chỉ đề cập đến một hoặc một số các yếu tố trên. Nếu các thiên kinh tịch chí được thực hiện cho trung tâm lưu trữ như thư viện, các sở, quán, các thì thư tịch lại được mô tả theo nhiều đơn vị lưu trữ như tủ, hòm, kho v.v... Dựa trên tình hình như vậy, chúng tôi xin được gọi thống nhất theo quan điểm của cố Học giả Trần Văn Giáp là “kinh tịch chí”. Như trên đã nói chữ “kinh tịch chí” xuất hiện sớm nhất trong *Tùy thư*, trong đó “theo nghĩa gốc thì kinh nghĩa là các sách cổ điển phương Đông về triết học, tôn giáo và các sách chuyên môn; tịch là các sổ sách, sách vở, giấy tờ biên chép những tri thức cần thiết, làm thành một cuốn sách. Kinh tịch chí có nghĩa là một tập sách có thiên sách ghi chép, thu thập

tên sách, chú thích tùy theo yêu cầu”¹. Theo chúng tôi, đây là cách định danh phổ quát nhất phản ánh thực trạng các thiên sách được khảo sát trong bài viết này. Đối tượng chúng tôi lựa chọn để khảo sát là những thiên kinh tịch chí đảm bảo các yếu tố như sau:

- Là các thiên kinh tịch chí về sách Hán – Nôm Việt Nam trong lịch sử được biên soạn bằng văn tự Hán – Nôm Việt Nam².

- Những thiên kinh tịch chí này phải là hiện tồn và có thể trực tiếp khảo sát trên văn bản gốc³.

Căn cứ vào tiêu chí trên, đối tượng được lựa chọn để khảo sát là các thiên kinh tịch chí như sau⁴:

¹ Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* (Thư tịch chí Việt Nam), Tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, 405 tr, tr, 13.

² Điều này cũng có nghĩa là chúng tôi không khảo sát những thiên kinh tịch chí biên soạn bằng tiếng Hán hiện đại như bộ *An Nam thư lục* của Phùng Thừa Quân, bằng chữ quốc ngữ như *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu* và bằng các ngôn ngữ nước ngoài khác.

³ Điều này có nghĩa là chúng tôi không khảo sát những thiên kinh tịch chí nay chỉ còn tên gọi hoặc một vài thông tin về nó được phản ánh trong các sách khác; những thiên có thể hiện tồn nhưng chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát trực tiếp.

⁴ Ngoài những thiên kinh tịch chí ở trên chúng tôi đã khảo sát các thiên kinh tịch chí là *Bản quốc thiên môn kinh bản*, *Phụng chiếu cầu pháp*, *Tàng thư lâu bạ tịch*, *Nội các thủ sách*, *Bắc thư Nam thư*, *Nam thư mục lục*, *Hoàng Lê tứ khố thư mục*, *Hoàng Nguyên tứ khố thư mục* nhưng không đưa vào danh mục trên.

Bản quốc thiên môn kinh bản 本國禪門經版, nằm trong sách *Đạo giáo nguyên lưu* 道教源流 A. 2675 (tr 4a – 5b) là Danh mục sách kinh của Việt Nam. Nêu tên sách, số quyển. Phúc Điền hòa thượng (biên tập). Danh mục này là các sách kinh Phật, không có sách Nôm.

Phụng chiếu cầu pháp 奉詔求法; nằm trong sách *Đạo giáo nguyên lưu* 道教源流 A. 2675 (tr 3a – 4a): Danh mục sách kinh điển được Trạm công Hòa thượng sưu tầm từ Khánh Vân đại thiên tự, núi Đỉnh Hồ, Đại Thanh về lưu ở chùa Càn Yên trong kinh thành. Nêu tên sách và số quyển. Sách do Phúc Điền hòa thượng (biên tập) năm 1845. Danh mục này toàn là sách kinh Phật của Trung Quốc, không có sách Nôm.

Tàng Thư lâu bạ tịch 藏書樓簿籍; kí hiệu thư viện A.968 được biên soạn năm Thành Thái 19 (1907); Chép về địa bạ, thuế bạ, đình bạ ở Tàng Thư lâu (Huế) do bộ Binh và bộ Hộ dưới các triều từ Gia Long đến Thành Thái thực hiện dâng nộp và *Nội các thủ sách* 內閣守冊 được Trần Trinh Hạp biên soạn năm 1914; kí hiệu thư viện là A.2644; Liệt kê số sách ở Đông Các (67 bộ), thư viện Tự Khuê (267 bộ), qua khảo sát chúng tôi thấy cả hai bộ này đều không có sách Nôm.

Bắc thư Nam thư 北書南書 biên soạn năm 1916; kí hiệu thư viện VHv.551; Chép tên các sách của Trung Quốc và Việt Nam. Chia thành các bộ như *Từ sử bộ*, *Danh ngôn bộ*, *Ti dụ bộ*, *Thường độc bộ*... Đây là một thư mục chuyên đề nhưng chủ yếu là sách chữ Hán.

Hoàng Lê tứ khố thư mục 皇黎四庫書目 và *Hoàng Nguyên tứ khố thư mục* 皇阮四庫書目 do Lê Trọng Hàm (1872 – 1931) và nhóm Đông Thiên hội (Nam Định) biên soạn năm 1922 – 1930, nằm tập 冥都史 Minh đô sử., kí hiệu thư viện là HV. 285 (Viện Sử học) trong đó *Hoàng Lê tứ khố thư mục* nêu 76 bộ sách làm trước triều Nguyễn, chia thành 5 loại: *Hiển chương* (8 bộ), *Kinh sử* (13 bộ), *Thi văn* (29 bộ), *Truyện ký* (28 bộ), *Tap loại* (6 bộ) và *Hoàng Nguyên tứ khố thư mục* nêu 153 bộ sách của các tác giả từ đầu triều Nguyễn đến giữa thế kỷ XX chia thành từng địa phương như: *Thần kinh* (20 bộ), *Bắc kỳ* (70 bộ), *Trung kỳ* (42 bộ), *Nam kỳ* (21 bộ), *Các nữ sĩ* (6 bộ). Trong hai bộ thư mục này ắt có sách chữ Nôm nhưng do điều kiện chưa tiếp cận được với tài liệu này nên chúng tôi không đưa vào danh mục.

Nam thư mục lục 南書目錄 do Từ Ô Trần Văn Giáp biên soạn; kí hiệu thư viện VHv. 2692; Chép 561 tên sách của các tác giả Việt Nam từ Lê đến Nguyễn. Chép tên sách, mỗi tên sách có ghi chú thể loại tác phẩm (thơ, ca, phú, ngâm, khúc, sử...) và những sách cùng loại có thể tham khảo. Qua quá trình khảo sát chúng tôi nhận thấy bộ *Nam thư mục lục* của Trần Văn Giáp tuy có chép danh mục sách Hán và Nôm nhưng hình thức trình bày của sách này tựa như một bản nháp tác giả dùng để duyệt lại những sách đã đọc, sử dụng hoặc nghiên cứu qua. Do vậy, chúng tôi không đưa sách này vào danh mục thống kê.

Stt	Tên	Soạn giả	Thời gian biên soạn	Xuất xứ	Nội dung cơ bản
1.	Nghệ văn chí 藝文志	Lê Quý Đôn (1726 – 1784)	1759	Lê triều thông sử 黎朝通史, quyển 3	Kê cứu lai lịch và tình trạng thư tịch Việt Nam từ đời Lý đến cuối Lê. Chia sách thành 4 loại: <i>Hiển chương loại</i> (16 tên sách); <i>Thi văn loại</i> (66 tên sách), <i>Truyện ký loại</i> (19 tên sách); <i>Phương kỹ loại</i> (14 tên sách). Tổng cộng: 115 tên bộ sách. Mỗi bộ được chua rõ: tên sách, số quyển, tên người biên soạn (hay sáng tác), sơ lược nội dung; tình trạng sách (mất hay còn), trong một số trường hợp tác giả có nêu ý kiến của mình, phê bình nhận xét về bộ sách ấy.
2.	Văn tịch chí 文籍志	Phan Huy Chú	1821	Lịch triều hiến chương loại chí 歷朝憲章類志, quyển 45	Kê cứu lai lịch và tình trạng thư tịch Việt Nam từ đời Lý đến cuối Lê. Chia sách làm 4 loại: <i>Hiển chương loại</i> (28 bộ sách), <i>Kinh sử</i> (24 bộ sách), <i>Thi văn</i> (108 bộ sách), <i>Truyện ký</i> (54 bộ sách). Tổng cộng 214 tên bộ sách. Trên mỗi loại, tác giả có một bài tiểu dẫn nói qua về nội dung loại ấy. Sau mỗi tên sách là đoạn nói về nội dung sách, tác giả thường chép thêm hẳn bài tựa chính của sách ấy, hay trích một số có giá trị, nhất là mấy câu thơ hay, để chứng minh ý kiến phê phán của mình.
3.	Sử quán thủ sách 史館守冊	Sử quán triều Nguyễn	1901	A. 1025	Chép 169 bộ sách tàng trữ tại Sử quán Huế. Bao gồm thực lục, ngọc điệp, ngự chế thi (văn tập), di chiếu, hòa ước, thương ước. Mỗi sách chép tên sách, số bộ (bản), thiếu (đủ), tình trạng sách...
4.	Tụ Khuê thư viện tổng mục sách 聚奎書院總目冊	Phạm Doãn Địch, Nguyễn Xuân Ôn, Trần Huyễn	1902	A.110/1-3; A.111	- Tổng mục lục sách trong thư viện Tụ Khuê triều Nguyễn. Chia thành các môn <i>Kinh</i> (776 bộ lẻ 69 bản), <i>Sử</i> (350 bộ lẻ 6 bản), <i>Tử</i> (486 bộ lẻ 147 bản), <i>Tập</i> (543 bộ lẻ 41 bản). - Mục lục sách ở Đông các chia thành <i>Kinh</i> , <i>Sử</i> , <i>Tử</i> , <i>Tập</i> gồm 7190 bản. - Mục lục các sách của triều Nguyễn gồm: <i>Quan thư</i> (80 bộ lẻ 332 bản), <i>Quốc thư</i> (77 bộ lẻ 585 bản), <i>Quốc triều thư mục</i> (232 bộ lẻ 704 bộ).
5.	Sử quán thư mục 史館書目	Trương Quang Đản, Nguyễn Thuật	1900 ; 1907	A.112	Chép danh mục sách tàng trữ tại Sử quán Huế. Gồm 2 bản thống kê 1. Năm 1900: 91 bộ sách (23 bộ xếp vạp <i>Tạp thư</i>) 2. Năm 1907: 91 bộ sách (không có mục <i>Tạp thư</i>) Mỗi sách chép tên, số bộ (bản), thiếu (đủ), tình trạng sách ...

6.	Nội các thư mục 內閣書目	Nội các triều Nguyễn	1908	A.113/1-2	Chép danh mục các sách lưu trữ tại Nội các triều Nguyễn. Chia thành các kho Kinh, Sử, Tử, Tập, Quốc thư..
7.	Tân thư viện thủ sách 新書院守冊	Nguyễn Tính Ngũ, Hoàng Hữu Khải, Nguyễn Khắc Nho	1912	A.1024; A.2645	Chép tên 2640 bộ sách trong Tân thư viện triều Nguyễn. Chia thành <i>Kinh, Sử, Tử, Tập</i> . Trong đó có sách của tác giả Việt Nam, Trung Quốc, phương Tây.
8.	Các tự kinh bản Ngọc Sơn thiện thư lược sao mục lục 各寺經本玉山善書略抄目錄		1915 (?)	A.1116	Danh mục 273 bộ Kinh khắc in ở các chùa thuộc Hà Nội, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Ninh. Mục lục tên sách khắc in và lưu trữ tại đền Ngọc Sơn (Hà Nội). Tên sách (ít ghi số trang), số ván khắc và độ lớn của ván khắc, số mặt ván khắc và số trang tương ứng (đối với bản khắc gỗ).
9.	Cao Vương kinh chú giải 高王經註解		1919 (in lại)	Phụ lục. AC.438	4 tờ chép tên các sách đã xuất bản tại đền Ngọc Sơn. Chia theo trật tự môn loại như <i>Đạo giáo, Y học, Phật giáo</i> ...Nêu tên sách và số trang
10.	Cổ học viện thư tịch thủ sách 古學院書籍冊	Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Tiên Khiêm, Lê Doãn Thăng	1925	A.2601/1-10	Chép sách lưu trữ tại Viện Cổ học (Huế). Chia thành nhiều kho. Tân thư (262 bộ), Kinh (47 bộ), Sử (430 bộ), Tử (6550 bộ), Tập (562 bộ), Quốc thư (601 bộ). Trong mỗi kho lại chia thành phân kho. Mỗi sách được chép tên, tình trạng sách (đủ hay thiếu), sơ lược nội dung, số quyển cũ, số hiện đóng, kí hiệu (thư viện), khắc in hay chép tay, lai lịch, cách đóng.
11.	Bí thư sở thủ sách 秘書所守冊	Trần Đình Bá và các đại thần	19/7/1926	Tủ sách gia đình Trần Đình Sơn (Tp. Hồ Chí Minh)	Biên bản kiểm kê sách lưu trữ tại sở Bí thư, Thượng Bửu, Tự Khuê thư viện thuộc Đông các triều Nguyễn năm 1926. Kiểm kê theo từng tủ, nêu tên sách, số bộ, số tập, số quyển, chép tay hay khắc in, hình thức bên ngoài, hiện trạng bảo quản...
12.	Nam thư mục lục 南書目錄	Trần Duy Vôn ()	1938	A.3098	Mục lục 512 bộ sách của các tác gia Việt Nam từ triều Lí đến triều Nguyễn xếp theo thứ tự từng triều đại và tác giả.

Dựa trên 12 thiên kinh tịch chí này chúng tôi tiến hành khảo sát sự xuất hiện của thư tịch Nôm. Kết quả được thể hiện ở bảng kèm theo bài viết. Trong bảng này chúng tôi xin được thống nhất cách trình bày như sau:

- Tên thư tịch được xếp theo trật tự bảng chữ cái theo đúng tên mà nó đã được ghi chép trong các thiên kinh tịch chí. Có một số thư tịch cách chép tên có khác nhau nhưng xét về nội dung là cùng 1 quyển sách, chúng tôi xin chép nguyên tên của nó và có ghi chú ở dưới. VD trường hợp sách của Hoàng Sĩ Khải được chép dưới hai tên: *Sứ Bắc quốc ngữ thi tập* và *Bắc sứ quốc âm thi tập* vẫn được chép thành 2 mục, có chú thích ở dưới.

- Có một số sách được phụ chép trong các sách khác, chúng tôi tôn trọng cách biên chép trong văn bản gốc và không tách nó ra thành 1 đơn vị riêng biệt. Như sách *Thái Nguyên Lưu Dân giải kinh tổng luận* được phụ chép trong *Vũ kinh thất thư diễn ca* chúng tôi coi là một đơn vị thống kê.

- Mỗi tên sách được trình bày theo dạng bảng ngang để tiện xem xét sự hiện diện của chúng trong 12 thiên kinh tịch chí được khảo sát.

- Chúng tôi cũng khảo sát sự hiện tồn của các thư tịch này. Những thư tịch nào hiện có thể đã mất hoặc chưa tìm thấy sẽ được đánh dấu bằng hình thức in nghiêng⁵. Chúng tôi đưa thêm vào đây chỉ dẫn cho những thư tịch hiện tồn (nơi lưu trữ hiện nay, kí hiệu thư viện) để tiện tham khảo⁶. Phần này chúng tôi đưa xuống chú thích

- Một số thông tin khác về sách, đính chính một số điểm hay nêu ý kiến của chúng tôi về những sách này chúng tôi cũng xin được đưa vào phần chú thích ở dưới.

Bảng dưới đây là bảng tóm tắt sự hiện diện của thư tịch Hán Nôm trong các bộ thư mục.

Các kí hiệu trong phần chú thích:

A, AB, AN, VHv, VNv: Kí hiệu tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

B: Thư viện Vương quốc Anh (British Library)

D: Sách tàng trữ ở Đông Dương văn khố (Tokyo Bunko)

H: Thư viện Đại học Hawaii (Mỹ)

K: Thư viện Đại học Khánh Ứng (Keio Daigaku)

⁵ Về vấn đề đoán định thư tịch còn hay mất chúng tôi căn cứ chủ yếu vào tên sách, sau đó mới căn cứ vào nội dung. Có những thư tịch có thể còn nhưng dưới những tên khác chúng tôi cũng xin được chú thích ở dưới.

⁶ Phần này chúng tôi dựa chủ yếu vào kho thư tịch của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, trên cơ sở đó tham khảo thư mục tài liệu ở các nơi khác. Trong đó, “Hiện có” để chỉ dẫn những tài liệu *có thể* bao gồm thư tịch Nôm đang mô tả đó.

L: Đại học Quốc gia Leiden (Hà Lan)

Paris.BN: Phòng sách chữ Nôm ở thư viện Quốc gia Paris (Bibliothèque Nationale, Paris))

Paris.EFEO: Học viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (Ecole Francaise d'Etrême – Orient)

Paris.LO: Tầng thư của Học viện ngôn ngữ Đông Phương Pháp (Paris)

Paris.MG: Bảo tàng Guimet, Paris (Musée Guimet)

Paris.SA: Hiệp hội Châu Á Paris (Société Asiatique, Paris)

R: Kí hiệu sách tại thư viện Quốc gia Hà Nội

S: Theo sổ đăng kí tài liệu đặc biệt, phần Hán Nôm tại Viện Sân khấu, Hà Nội

Con số sách Nôm chúng tôi khảo sát được là 173 tên sách (trong đó có một số sách được ghi chép bằng những tên khác nhau). Bảng khảo sát trên đây có thể cung cấp cho những người quan tâm thông tin về thư tịch qua các thời đại cũng như sự xuất hiện của chúng trong các bộ thư tịch dù sớm dù muộn. Trong bài viết này chúng tôi xin không đi sâu vào phân tích từng tên sách về các mặt như nội dung, soạn giả, và số phận thăng trầm của chúng trong lịch sử⁷ v.v... cũng như diện mạo ngày nay của chúng. Chúng tôi coi đây là một bước có tính chất mở đầu để tiếp tục khảo cứu đầy đủ, kĩ lưỡng về các mặt của thư tịch Nôm và vai trò của thư tịch Nôm trong lịch sử thư tịch Việt Nam, trong văn hóa truyền thống Việt Nam.

⁷ Một số thư tịch Nôm trong *Cổ học viện thư tịch thủ sách* đã được chúng tôi phân tích trong bài viết *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách, A.2601/1-10*, Tham luận Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm ngày 12- 13 tháng 11 năm 2004, Bài đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu và Thảo luận Thời đại mới*, số 5 (tháng 7/2005), <http://www.thoidai.org/> và bài *Tìm hiểu về kịch bản tuồng lưu trữ tại viện Cổ học (Huế) năm 1925* đăng trong *Thông báo Hán Nôm học 2004*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005.

BẢNG THỐNG KÊ
SỰ HIỆN DIỆN CỦA THƯ TỊCH NÔM
TRONG CÁC THIÊN KINH TỊCH CHỈ HÁN NÔM VIỆT NAM

Stt	Tên sách	Nghệ văn chỉ	Văn tịch chỉ	Sử quán thủ sách	Tụ thư tổng sách	Khuê viện mục	Sử quán thư mục.	Nội các thư mục	Tân thư viện thủ sách	Cao Vương kinh chủ giải	Các đăng kinh bản Ngọc Sơn thiên thư lược sao mục lục	Cổ học viện thư tịch thủ sách	Bí thư sở thủ sách	Nam thư mục lục
1.	<i>Âm thất đăng diễn ca</i>										X			
2.	<i>Âm thất đăng giải âm</i> ⁸										X			
3.	<i>Âm chất giải âm</i> ⁹										X			
4.	<i>Bạch Vân quốc ngữ thi</i> ¹⁰	X	X								X			
5.	<i>Bắc sử Quốc âm thi tập</i> ¹¹		X											
6.	<i>Cảm ứng thiên giải âm</i>										X			
7.	<i>Châu lí ngọc diễn truyện</i> ¹²											X		
8.	<i>Chinh phụ ngâm</i> ¹³													X
9.	<i>Chinh phụ ngâm bị lục</i> ¹⁴											X		
10.	<i>Chu Dịch quốc âm giải nghĩa</i> ¹⁵		X											
11.	<i>Chu Dịch quốc âm diễn nghĩa</i>													X
12.	<i>Chư nhạc chương hội biên</i>				X							X		
13.	<i>Cổ thi diễn ca</i>				X									

⁸ R.202 (sách do đền Ngọc Sơn xuất bản năm 1859).

⁹ Hiện còn sách mang tên *Âm chất quốc ngữ*: AB.610

¹⁰ Hiện có sách *Trình Quốc công Bạch Vân thi tập* AB.309 ; AB.157; *Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập* AB.635. *Bạch Vân am thi văn tập* K.244-59-1; *Bạch Vân am thi* R.101; *Bạch Vân am thi tập* R.1917; R.1718;

¹¹ Cũng là sách *Sử Bắc quốc ngữ thi tập* ở dưới.

¹² *Châu lí ngọc diễn truyện* S.

¹³ *Chinh phụ ngâm* R.700; R. 1500; Hiện có sách *Chinh phụ ngâm khúc* AB.164

¹⁴ *Chinh phụ ngâm bị lục* D.X-4-18; R. 2236; Hiện có trong sách *Danh gia quốc âm* AB.26 (Paris.BN.B.106.Vietnamien).

¹⁵ Hiện có sách *Chu Dịch quốc âm ca* AB.29; một bản tại thư viện quốc gia.

14.	<i>Cổ truyện diễn nghĩa mục lục</i>							X				X		
15.	<i>Cốc đề diễn truyện</i>											X		
16.	<i>Cung oán ngâm</i> ¹⁶											X		
17.	<i>Cung oán ngâm khúc</i> ¹⁷													X
18.	<i>Dịch kinh diễn nghĩa</i> ¹⁸							X				X		
19.	<i>Diễn nghĩa diễn truyện</i>							X						
20.	<i>Dương Chấn tử diễn truyện</i>											X		
21.	<i>Diễn Thu dạ lữ hoài ngâm</i> ¹⁹													X
22.	<i>Dương liễu hội diễn truyện</i> ²⁰											X		
23.	<i>Dương Quỳnh Khê thi tập</i>											X		
24.	<i>Đa thọ diễn truyện</i>											X		
25.	<i>Đại học diễn nghĩa</i> ²¹			X								X		
26.	<i>Đại hùng diễn truyện</i>											X		
27.	<i>Đại Nam quốc ngữ</i> ²²								X					
28.	<i>Đại Nam quốc sử diễn ca</i> ²³											X		
29.	<i>Đại Việt sử ký tiếp lục diễn nghĩa</i> ²⁴											X		
30.	<i>Đào Phi Phụng diễn truyện</i>											X		
31.	<i>Đình Lưu Tú diễn truyện</i>											X		
32.	<i>Đoạn trường tân thanh (Quốc âm)</i> ²⁵													X
33.	<i>Đồ Sơn bát vịnh</i>											X		
34.	<i>Đông lai tây bích diễn truyện</i>											X		

¹⁶ VHv.1429; VNv.158; AB.26; AB.392; D.X-4-18; R.1559; R.31.

¹⁷ AB.392; R.1962

¹⁸ Hiện có *Dịch kinh chính văn diễn nghĩa* VHv.1114

¹⁹ Hiện có *Thu dạ lữ hoài ngâm* AB.58. Ngoài ra còn có trong *Ca truyện tùy bút* VNv.519; *Ca từ tạp lục* AB.426; *Chinh phụ ngâm* A.3158; *Chinh phụ ngâm khúc* VHv.288; *Đào nương ca trù xướng loại* VNv.129; *Tạp sáo tân biên* VHv.2227; *Tạp văn* A.3177.

²⁰ Hiện có *Dương Liễu tướng diễn truyện* S.

²¹ Còn có sách *Đại học diễn nghĩa* AC.301/1-15 nhưng đây là sách do Khâu Tuấn (Trung Quốc) biên soạn được Cẩm Văn đường in lại ở Huế.

²² AB.106

²³ AB.1; VNv.3; VNv.117; VNv.118; VNv.165; AB.328; Vnv.1; BNv.4; VNv.5; VNv.207; D.X-2-124; L.3545; L.5803.6; R.8; R.303; R.1934.

²⁴ *Đại Việt sử ký tiếp lục tổng tự* A.1180; R.2254; R.2255. Xin xem trong *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn.

²⁵ AB.12

35.	Gia ngẫu diễn truyện ²⁶												X		
36.	Giác oan diễn truyện ²⁷												X		
37.	Giác sanh duyên diễn truyện ²⁸												X		
38.	Hàm hòa diễn truyện												X		
39.	<i>Hàn Cao tổ diễn truyện</i>												X		
40.	Hiếu cáo tâm kinh diễn âm ²⁹							X							
41.	Hiếu cáo hiếu thế tâm kinh diễn âm ³⁰							X							
42.	Hiếu kinh diễn nghĩa ³¹												X		
43.	<i>Hoa tiên diễn truyện</i>												X		
44.	Hỏa hầu tinh diễn truyện ³²												X		
45.	<i>Hoàn long giải hổ diễn truyện</i>												X		
46.	<i>Hoàng thân công chúa công tử nữ</i>												X		
47.	<i>Học lâm diễn truyện</i>												X		
48.	<i>Hồi sinh bửu diễn truyện</i>												X		
49.	Kiên Nguyên thi tập ³³		X												
50.	<i>Kim Cương kinh chú giải</i> ³⁴				X										
51.	<i>Kim Lăng ký</i>	X	X												
52.	Kim Vân Kiều quảng tập truyện ³⁵												X		
53.	<i>Kỳ sinh diễn truyện</i>												X		
54.	Lê Thái Tổ lịch sử ca ³⁶														X
55.	Lê triều Nguyễn tướng công gia huấn														X

²⁶ 1 bản tại S.

²⁷ *Giác oan*, 1 bản gốc, 1 bản chép lại tại S.

²⁸ *Giác sanh duyên diễn truyện* 1 bản gốc tại S; *Giác sanh duyên* 1 bản photo lại tại S.

²⁹ Cũng là *Hiếu cáo tâm kinh diễn âm hợp biên* AB.122

³⁰ AB.122

³¹ Hiện có *Hiếu kinh quốc âm diễn nghĩa* trong *Hiếu kinh lập bản* A.266; VHv.343

³² Hiện có 1 bản chép lại tại S.

³³ Kiền cũng đọc là Càn. Hiện có *Càn Nguyên ngự chế thi tập* AB.1319. Có trong phần *Canh họa thi* trong *Hương Tích động ký* A.2533 ; *Hương Tích động ký tịnh văn tập sao tập* A.2174 ; *Hương Tích động thi ký, phụ Tập ký* A.2175.

³⁴ Hiện có *Kim Cương kinh quốc âm* AB.367.

³⁵ VNv.147; VNv.71; VNv.208; R.1826 ; R. 1827. Hiện có *Kim Vân Kiều tân truyện* D.X-4-22 ; D.X-4-1001; L.5803.6; R.384; R.2003; R.2001; R.504- 506; R.2060; R.1019.

³⁶ AB.647

	ca ³⁷												
56.	Lê triều ngự chế quốc âm (tập) ³⁸				x								
57.	Lê triều giáo hóa điều lệ ³⁹										x		
58.	Lê triều sử kí quốc âm				x								
59.	Lễ thi thư dịch nhật khắc thủy triều diễn ca ⁴⁰										x		
60.	Lễ kí diễn nghĩa ⁴¹							x					
61.	Lễ kinh diễn nghĩa										x		
62.	Lịch đại sử ca				x			x			x		
63.	Liệt nữ tiệp lục giải âm ⁴²												x
64.	Long phụng kỳ duyên diễn truyện										x		
65.	Long đầu mật quyết										x		
66.	Lôi Phong tháp diễn truyện										x		
67.	Luận Ngữ thích nghĩa ca ⁴³				x								
68.	Lục nhâm quốc ngữ Bình gia yếu lược ⁴⁴												x
69.	Lưỡng quốc trả hôn										x		
70.	Lưu Bình diễn ca ⁴⁵										x		
71.	Lưu Thiên Tích diễn truyện										x		
72.	Lý Phụng Đình diễn truyện ⁴⁶										x		
73.	Mã long Mã phụng diễn truyện ⁴⁷										x		
74.	Mã long Mã phụng tân trò ⁴⁸										x		

³⁷ AB.406; D.X-3-14 : R.95.

³⁸ Hiện có *Lê triều ngự chế quốc âm thi* AB.8

³⁹ Hiện có *Lê triều giáo hóa điều luật* A.1507 (đây là bản chữ Hán).

⁴⁰ Xem bài *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn.

⁴¹ Hiện có *Lễ kí đại toàn diễn nghĩa* VNv.112/1-2 ; VNv.113/1-2 ; AB.30

⁴² AB.127

⁴³ Cũng là *Tự Đức thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*

⁴⁴ Hiện có *Lục nhâm quốc ngữ*: A.855

⁴⁵ AN.66 (Paris.BN.86 vietnamien; Paris.MG.FV.5570);R.572 ; Hiện có *Lưu Bình Dương Lễ ca truyện* B; Hiện có *Lưu Bình Dương Lễ diễn ca*, 1 bản chép lại tại S.

⁴⁶ 1 bản gốc tại S.

⁴⁷ 1 bản gốc tại S.

⁴⁸ 1 bản tại thư viện Quốc gia

75.	<i>Mạnh từ điển nghĩa</i> ⁴⁹							X				
76.	Nam nữ đối ca ⁵⁰									X		
77.	Nam phong giải trào ⁵¹			X								
78.	<i>Nam Việt sử kí truyện</i> ⁵²								X			
79.	<i>Ngọa Long cương</i>			X								
80.	Ngọc mã kỳ duyên diễn truyện									X		
81.	Ngọc trung thư khuyến hiếu ca											X
82.	<i>Nguyên hội vận thế</i>									X		
83.	Ngũ hổ bình Tây diễn truyện									X		
84.	Nguyệt hoa vấn đáp ⁵³									X		
85.	Ngự chế quốc âm ca ⁵⁴							X				
86.	Ngự chế quốc âm thi ⁵⁵							X				
87.	Ngự Văn quân diễn truyện ⁵⁶									X		
88.	<i>Nhị đế chân kinh diễn ca phụ Táo quân diễn ca</i> ⁵⁷									X		
89.	<i>Nhị thánh cứu kiếp kinh giác thế kính phụng Táo thần ca</i> ⁵⁸			X								
90.	Nhị thập tứ hiếu diễn ca ⁵⁹											X
91.	<i>Nô nhân báo nghĩa diễn truyện</i>									X		
92.	<i>Ô thước diễn truyện</i> ⁶⁰									X		

⁴⁹ Sách *Mạnh học bậc cao trung học giáo khoa* AB.290

⁵⁰ AB.651 ; R.472

⁵¹ AB.348; AB.232 ; R.1674.

⁵² *Nam Việt sử kí truyện* VHv.158 (sách chữ Hán)

⁵³ AN.71; AB.71 (Paris.BN.B.68 vietnamien; Paris.MG.FV.55698)

⁵⁴ Sách do Tự Đức ngự chế.

⁵⁵ Sách do Tự Đức ngự chế; Hiện có *Ngự chế thi* D.X-4-11

⁵⁶ *Ngự Văn Quân*, 1 bản gốc tại S.

⁵⁷ Xem thêm trong *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn.

⁵⁸ Xem thêm trong *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn.

⁵⁹ Hiện có trong sách *Dương Tiễn diễn nghĩa* AB.88; VHv.1259; *Hoan châu phong thổ thoại* VHv.1718; VHv.1376; A.952; A.2288; *Xuyết thập tạp kí* A.132 ; Hiện có *Nhị thập tứ hiếu diễn âm* R.1522.

⁶⁰ *Ô thước*, 1 bản gốc, 2 bản chép lại tại S.

93.	Phạm công tân truyện ⁶¹											X		
94.	Phan Trần truyện trùng duyệt ⁶²											X		
95.	<i>Phản tính đồ giải âm</i> ⁶³								X					
96.	<i>Phi Sa tập</i>	X	X											
97.	<i>Phong nguyệt khúc diễn truyện</i>											X		
98.	Phương Hoa tân truyện ⁶⁴											X		
99.	<i>Quận công Nguyễn Đức Xuyên lí lịch</i>											X		
100.	<i>Quốc ngữ thi tập</i> ⁶⁵		X											
101.	Sãi Vãi ⁶⁶													X
102.	Son Hậu diễn ca ⁶⁷											X		
103.	Son Hậu diễn truyện ca ⁶⁸											X		
104.	<i>Sứ Bắc quốc ngữ thi tập</i>	X												X
105.	<i>Tam nữ đồ vương diễn truyện</i>											X		
106.	Tam quốc diễn truyện ⁶⁹											X		
107.	<i>Tân Đường Tống thi ca</i> ⁷⁰				X									
108.	<i>Tân Đường Tống thi ca diễn âm</i> ⁷¹											X		
109.	<i>Táo quân ca</i>									X				
110.	Tây dương chí lược ⁷²											X		

⁶¹ AB.14; AB.416 (Paris.BN.B.76 vietnamien; Paris.MG.FC.63677); R.387; Hiện có Phạm công R.1770.

⁶² VNv.298; VNv.158; VNb.25; VHv.1429 (Paris.EFEO.VIET/B/Litt.8; R.30; R.1561; R.1633; Ngoài ra hiện có trong sách *Danh gia quốc âm* AB.26; Paris.BN.B.106 vietnamien). VNv.298; D.X-2-36; *Phan Trần truyện* L.5157.9

⁶³ Hiện có *Phản tính đồ diễn âm (Phản tính đồ thư quốc âm)*: AB.121, AB.118

⁶⁴ AN.86; AB.441; Paris.BN.B.90.vietnamien; Paris.LO.VN.IV; Kí hiệu AB.283 tại H; R.85; .R.2160

⁶⁵ Hiện có *Quốc ngữ ca* nằm trong *Địa học trích anh* A.454/1-3

⁶⁶ Hiện có trong sách *Ca văn thi phú thư truyện tạp biên* VNv.520; *Quốc văn tùng ký* AB.383; *Sãi Vãi thư tập* Paris.LO.VN.III.310

⁶⁷ R.1634; R.565; R.1854; R.1734.

⁶⁸ Số 101, 102: Hiện có *Son Hậu truyện* B; *Son Hậu*, 1 bản gốc tại S, *Son Hậu diễn truyện* 1 bản gốc tại S.

⁶⁹ Hiện có *Tam quốc diễn ca* (Giang tà cầu hôn) VNb.38; *Tam quốc diễn ca* (Thao cổ thảo lư) AB.203; *Tam quốc chí quốc ngữ* (từ Tam cổ mao lư đến Đương Dương Trường Bản) L.5751; *Tam quốc chí quốc ngữ bản* L.5754; *Tam quốc chí* (Đương Dương Trường Bản; Giang Tà cầu hôn truyện; Kinh Châu phó hội truyện; Hoa chúc truyện; Hoa dung truyện, Nghĩa thích Nghiêm Nhan truyện; Lạc Phương Pha truyện; Tam cổ mao lư; Tiết giang truyện) B; *Tam quốc chí* (Đương Dương Trường Bản, 2 bản; Hoa dung, 4 bản; Tam anh chiến Lã Bô; Triệt giang) tại S; *Tam quốc diễn ca* R.1733; R.1876.

⁷⁰ Cũng chính là *Tân Đường Tống thi ca diễn âm*

⁷¹ Xem thêm trong *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn.

⁷² AB.10

111.	<i>Thạch Sanh diễn truyện</i> ⁷³										X	
112.	<i>Thạch Sanh tân truyện</i> ⁷⁴										X	
113.	<i>Thái Ất chiêm</i>										X	
114.	<i>Thái công hành binh pháp</i> ⁷⁵										X	
115.	<i>Thái thượng cảm ứng giải âm</i> ⁷⁶								X			
116.	<i>Thanh Hóa quan phong</i> ⁷⁷										X	
117.	<i>Thánh dụ thập điều</i> ⁷⁸							X				
118.	<i>Thánh dụ thập điều diễn ca</i>								X			
119.	<i>Thảo quyết bách vận ca</i>			X								
120.	<i>Thảo mộc thường dụng đề yếu</i>										X	
121.	<i>Thi kinh Chu chú diễn nghĩa</i>										X	
122.	<i>Thi kinh diễn nghĩa</i> ⁷⁹			X		X					X	
123.	<i>Thi kinh giải âm</i> ⁸⁰					X						
124.	<i>Thi Thư Dịch Nhật khắc thủy triều diễn ca</i> ⁸¹			X								
125.	<i>Thiên Nam minh giám</i>										X	
126.	<i>Thiên Nam minh giám (phụ) Lịch đại trung hưng tiếp ngữ/ ký</i>			X		X						
127.	<i>Thiên tổng kỳ duyên diễn truyện</i> ⁸²										X	
128.	<i>Thiếu nữ hoài xuân tình thi</i> ⁸³										X	
129.	<i>Thuận Quảng thực lục</i>										X	

⁷³ Hiện có *Thạch Sanh diễn hi bản* AB.451

⁷⁴ AB.221 ; R.1523 ; R.1527 ; R.1882.

⁷⁵ Hiện có *Thái công Lục thao diễn Nôm*, nằm trong *Vũ kinh diễn nghĩa ca* AB.138/1-2; AB.310

⁷⁶ Hiện có *Thái thượng cảm ứng thiên giải âm (Thái Thượng cảm ứng kim thiên)* AB.115 (in tại đền Ngọc Sơn); AB.533 (in tại Khuyến Yhiện đàn Nam Định)

⁷⁷ VHv.1370; AB.159 (Paris.MG.FV.57167; Paris.BN.53.vietnamien) ; R.1930.

⁷⁸ Mục 117, 118: Sách do Tự Đức ngự chế. Cũng là Tự Đức *Thánh dụ Huấn dịch Thập điều diễn (nghĩa) ca.* (Xem ở dưới).; *Thánh dụ thập điều diễn nghĩa ca* R.379.

⁷⁹ VNv.107; VNv.161; VNv.162; VNv. 163; AB.168/1-2; Hiện có *Thi kinh Đại toàn tiết yếu diễn nghĩa* D.X-1-3

⁸⁰ AB.144/1-5

⁸¹ Xem tên sách *Lễ Thi Thư Dịch Nhật khắc thủy triều diễn ca* ở trên.

⁸² Xim xem về bộ sách này trong bài viết *Một vài nét về những bản tuồng mới sưu tập ở thành phố Huế*, bài đã dẫn.

⁸³ AN.202

130.	<i>Thúy Kiều diễn truyện</i> ⁸⁴												X		
131.	<i>Thúy Kiều thi tập</i> ⁸⁵												X		
132.	<i>Thư kinh điển nghĩa</i> ⁸⁶		X		X				X				X		
133.	<i>Tiểu Sơn hậu diễn truyện</i> ⁸⁷												X		
134.	<i>Tổng Nhạc Phi diễn truyện</i>												X		
135.	<i>Tổng thiếu quân diễn truyện</i>												X		
136.	<i>Tổng Trần tân truyện</i> ⁸⁸												X		
137.	<i>Trần Bô diễn truyện</i> ⁸⁹												X		
138.	<i>Trung dung diễn ca</i> ⁹⁰												X		
139.	<i>Trung hiếu thần tiên diễn truyện</i> ⁹¹												X		
140.	<i>Trúng sự trúng thuyết diễn truyện</i>												X		
141.	<i>Truyện kỳ mạn lục</i> ⁹²												X		
142.	<i>Tuệ Tĩnh y thư</i>			X	X										
143.	<i>Từ thắng diễn truyện</i>												X		
144.	<i>Tứ thư nhân vật bị khảo</i> ⁹³			X											
145.	<i>Tứ thư ước giải</i> ⁹⁴												X		
146.	<i>Tứ trí diễn truyện</i>												X		
147.	<i>Tử vi quốc ngữ ca</i> ⁹⁵														X
148.	<i>Tự Đức ngự chế Quốc âm thi ca</i>												X		
149.	<i>Tự Đức Ngự chế Quốc âm</i>													X	

⁸⁴ Hiện có *Thúy Kiều* trò AB.170

⁸⁵ AB.45; *Thúy Kiều thi* R.1957.

⁸⁶ AB.1251

⁸⁷ Hiện có *Tiểu Sơn Hậu diễn ca* AB.205; *Tiểu Sơn Hậu diễn ca* D.X-2-55

⁸⁸ AB.217

⁸⁹ Hiện có *Trần Bô truyện* B

⁹⁰ AB.540; Hiện còn có *Trung dung chương cú quốc ngữ ca* trong sách *Dã sử tạp biên* VHv.1310

⁹¹ *Trung hiếu thần tiên* AB.460; VNb. 150

⁹² R.424; R.1624; Hiện có *Tân biên Truyện kỳ mạn lục tăng bổ giải âm tập chú* VHv.149/1-4; A.1021; VHv.1641; A.176/1-2; A.320/1-4; A.3165 (Paris.SA.HM.2236; Paris.SA.Ms24); Hiện có *Tân biên Truyện kỳ mạn lục*: 1 bản tại thư viện Quốc gia..

⁹³ Hiện có *Tứ thư nhân vật bị khảo* nhưng là bản sách chữ Hán (sách Trung Quốc) AC.243/1; A.439

⁹⁴ AB.270/1-5

⁹⁵ Hiện có *Tử vi thập nhị cung đoán pháp quốc âm ca* AB.424.

150.	Tự Đức Ngự điển Huấn dịch Thập điều											X		
151.	Tự Đức thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca					X		X				X	X	
152.	Tự Đức thánh chế Tự học giải nghĩa ⁹⁶					X		X				X		
153.	Tự Đức ngự chế Tự học giải nghĩa ca											X		
154.	Tự học điển nghĩa				X									
155.	Tự học giải nghĩa ca			X									X	
156.	Vạn bửu trình tường ⁹⁷							X						
157.	Vạn bửu trình tường điển truyện											X		
158.	Vạn bửu trình tường truyện ký											X		
159.	Văn Vũ cứu kiếp điển ca ⁹⁸										X			
160.	Văn Vũ Nhị đế cứu kiếp chân kinh (điển nghĩa ca)										X			
161.	Vân Tiên cô tích tân truyện ⁹⁹											X		
162.	Vị thành giai cú ¹⁰⁰													X
163.	Việt âm thi tập ¹⁰¹											X		
164.	<i>Việt Nam sử kí truyện</i> ¹⁰²											X		
165.	Việt sử quốc âm ca ¹⁰³							X		X		X		
166.	Việt sử quốc ngữ ca				X									
167.	<i>Việt sử tứ tự giải âm</i>													X

⁹⁶ Số 143, 144, 145, 146 là các tên khác nhau của cùng một cuốn sách do Tự Đức ngự chế. Hiện có *Tự Đức Thánh chế Giải nghĩa ca (Tự học giải nghĩa ca)* VHv.626/1-4; VHv.627/1-4; VHv.628/1-4; VHv.629/1-4; VHv.630/1-4; VHv.631/1-4; VHv.363/1-4; AB.5/1-2; AB.311

⁹⁷ Cũng là *Vạn bửu trình tường điển truyện*. Xin xem thêm về mục 153, 154, 155 trong *Tìm hiểu về kịch bản tuồng lưu trữ tại viện Cổ học (Huế) năm 1925* đăng trong *Thông báo Hán Nôm học 2004*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2005. Có *Vạn bửu trình tường (Vạn bửu)* 1 bản gốc, 1 bản chép lại tại S.

⁹⁸ Về sách mục số 156, 157 xin xem thêm trong *Sách Nôm trong mục Quốc âm, kho Quốc thư, Cơ học viện thư tịch thủ sách A.2601/1-10*, bài đã dẫn. Hiện có *Văn Vũ Nhị đế cứu kiếp chân kinh dịch ca* AB.93; AB.363 (cả hai bản đều in tại đền Ngọc Sơn), *Văn Vũ Nhị đế cứu kiếp chân kinh điển nghĩa ca (Cứu kiếp điển nghĩa ca)* AN.142 (in tại đền Ngọc Sơn); AN.92; (Paris.LO.MN.VI.12: in tại đền Ngọc Sơn)

⁹⁹ VN.43 ; AB.62 ; AB.470; R.403

¹⁰⁰ *Vị thành giai cú tập biên* AB.194

¹⁰¹ Có lẽ những người làm thư mục đã có nhầm lẫn về nội dung của sách này. Sách có chữ *Việt âm* nhưng không phải là sách chữ Nôm. Chúng tôi vẫn đưa vào đây để tiện tham khảo.

¹⁰² Hiện có *Việt sử yếu điển âm* AB.295

¹⁰³ Mục 162, 163 hiện có *Việt sử quốc âm* AB.308. *Việt sử điển âm* AB.110

168.	Vịnh sử diễn âm ¹⁰⁴												X
169.	Võ Lương diễn truyện									X			
170.	Vũ đình diễn nghĩa										X		
171.	Vũ kinh thất thư diễn ca ¹⁰⁵										X		
172.	Vũ kinh trực giải ¹⁰⁶			X									
173.	Xuân thu diễn nghĩa ¹⁰⁷							X			X		

¹⁰⁴ AB.586

¹⁰⁵ Hiện có *Vũ kinh diễn nghĩa ca* AB.138/1-2

¹⁰⁶ Hiện có *Vũ kinh Trực giải diễn nghĩa ca* AB.310

¹⁰⁷ *Xuân thu diễn nghĩa (Xuân thu đại toàn tiết yếu diễn nghĩa)* VNv.115/1-3; VNv.114/2-3; VNv.109/2-3.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Văn Bình, *Sách Hán Nôm lưu giữ ở thư viện Leiden (Hà Lan)*, *Tạp chí Hán Nôm: 100 bài tuyển chọn*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2000, tr 57–69.
- [2] Phan Văn Các, *Thư mục Việt Nam học (bằng chữ Hán) ở thư viện Harvard Yenching (Mỹ)*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 4 (25) năm 1995, tr 83–93.
- [3] Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, 405 tr; tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1990, 277 tr.
- [4] Vương Thị Hương, *Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn – Hà Nội*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (42), năm 2000, tr 89–96.
- [5] Trần Nghĩa, *Sách Hán Nôm tại Thư viện vương quốc Anh*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (24), 1995.
- [6] Trần Nghĩa & François Gros, *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993. Tập 1 (A-H): 924 tr; Tập 2: (I-S): 748 tr; Tập 3 (T-Y): 970+284 tr.
- [7] Trần Nghĩa & Nguyễn Thị Oanh, *Thư mục tổng hợp sách Hán Nôm tại bốn tàng thư lớn của Nhật Bản*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (38) năm 1999, tr 70–99.
- [8] Nguyễn Tô Lan, *Một vài nét về những bản tuồng mới sưu tập tại thành phố Huế*, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 năm 2005, tr 69 – 73.
- [9] Nguyễn Tô Lan, *Sách Nôm trong mục Quốc âm , kho Quốc thư, Cổ học viện thư tịch thủ sách A. 2601/1-10*, *Tạp chí Thời Đại Mới* (<http://www.thoidai.org>), số 5, tháng 7 năm 2005.
- [10] Nguyễn Tô Lan, *Sơ bộ khảo sát thư tịch Hán Nôm tại thành phố Huế*, *Khoá luận tốt nghiệp Cử nhân khoa học Hán Nôm, khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, năm 2003.
- [11] Nguyễn Tô Lan, *Tìm hiểu về kịch bản Tuồng lưu trữ tại Viện Cổ học (Huế) năm 1925*, *Thông báo Hán Nôm học năm 2004*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Hà Nội, 2005, tr.289 - 296
- [12] Chu Tuyết Lan, *Thông tin về tài liệu Hán Nôm ở Đại học Hawaii Mỹ*, *Thông báo Hán Nôm học 2002*, Nxb Khoa học Xã hội 2003, tr 268–272.
- [13] Trần Đình Sơn, *Thư tịch triều Nguyễn qua biên bản kiểm kê thư tịch, đồ hoạ, ấn chương tại các sở Bí thư, Thượng Bửu, Tụ Khuê thư viện ngày 19 tháng 7 năm 1926*,

Di sản văn hoá Huế 20 năm bảo tồn và phát huy giá trị, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, Huế, 2002, 573 tr., tr 130–147.

[14] Nguyễn Văn Thịnh (chủ biên), Nguyễn Hồng Trân (thực hiện), Đề tài khoa học độc lập cấp Quốc gia về: “Tổ chức bảo vệ và phát huy văn hoá Hán Nôm ở Huế “, *Danh sách tủ sách gia đình tại Huế và danh mục tài liệu về Hán Nôm của các tư gia*, Huế, 2002.

[15] Ngô Đức Thọ (chủ biên), *Thư mục sách Hán Nôm ở Thư viện Quốc gia*, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 2002, 539 tr.

[16] Thư mục Kịch bản tuồng (Hán Nôm) tại Viện Nghiên cứu Sân khấu Hà Nội.

[17] Thư mục sách Hán Nôm Vv.837; Vt.70 tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

[18] Thư mục sách Hán Nôm tại các thư viện tại Hà Nội (VHN, tủ phiếu).

[19] Thư mục sách Hán Nôm tại phòng Nghiên cứu, Trung tâm hoạt động Văn Miếu – Quốc Tử Giám.